

NGŨ HỒ TƯỚNG GIA ĐỊNH:

- Lê Văn Duyệt
- Nguyễn Huỳnh Đức
- Nguyễn Văn Nhơn
- Nguyễn Văn Trương
- Trương Tấn Bửu

LÊ VĂN DUYỆT

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia



Tượng đồng Lê Văn Duyệt tại gian thờ chính trong Lăng Ông (Bà Chiểu)

Tả quân Quận công **Lê Văn Duyệt** (tên chữ Hán: 黎文悅, 1764-1832) là một công thần trụ cột của nhà Nguyễn. Ông đã theo tông chúa Nguyễn Phúc Ánh từ năm 17 tuổi, cùng với chúa Nguyễn Phúc Ánh và các tướng lĩnh khác lấy thành Bình Định, chiếm thành Phú Xuân, thu đất Bắc Hà về cho nhà Nguyễn, giữ chức Tổng trấn Gia Định Thành^[1] 2 lần: từ 1812 đến 1815^[2] (triều vua Gia Long) và từ 1820 đến 1832 (đời vua Minh Mạng).

Tiểu sử

Lê Văn Duyệt sinh năm 1764 trong vùng thôn dã gần vàm Trà Lọt, làng Hòa Khánh, châu Định Viễn, dinh Long Hồ (nay thuộc xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Ông nội của Lê Văn Duyệt là Lê Văn Hiếu từ Quảng Ngãi vào đây sinh sống. Sau khi Lê Văn Hiếu qua đời, cha ông là Lê Văn Toại rời vùng Trà Lọt đến ở tại vùng Rạch Gầm, làng Long Hưng (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Sự nghiệp

- **Chống Tây Sơn**



Lê Văn Duyệt trên mặt trước tờ 100 đồng in năm 1966 của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Khi Nguyễn Phúc Ánh bị quân Tây Sơn đánh đuổi chạy vào Nam có ngụ tại nhà thân sinh của ông là Lê Văn Toại, nhân đó ông được Nguyễn Phúc Ánh tuyển dụng làm thái giám năm ông 17 tuổi. Ít lâu

sau Lê Văn Duyệt được phong làm Cai Cơ trông coi nội binh.

Từ năm 1789 ông bắt đầu đứng vào hàng tướng lĩnh của Nguyễn Phúc Ánh. Năm 1793 Lê Văn Duyệt cùng với Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Văn Thành, Võ Di Nguy và Võ Tánh theo Nguyễn Phúc Ánh đi đánh Qui Nhơn, lấy được phủ Diên Khánh và phủ Bình Khương. Tháng 1 năm 1801 ông đã cùng Nguyễn Phúc Ánh và các tướng Nguyễn Văn Trương, Tống Phúc Lương, Võ Di Nguy đánh chiếm cửa biển Thị Nại (trận Thị Nại). Quân Tây Sơn thua to trong trận này. Tháng 4 Nguyễn Phúc Ánh đem thủy quân ra Đà Nẵng. Đến tháng 5 Nguyễn Phúc Ánh vào cửa Tư Dung, Lê Văn Duyệt phá được quân Tây Sơn, bắt được phò mã Nguyễn Văn Trị và đô đốc Phan Văn Sách rồi vào cửa Eo. Vua Cảnh Thịnh mang quân ra giữ cửa Eo nhưng thua phải chạy ra Bắc. Ngày 3 tháng 5 Nguyễn Phúc Ánh đem binh vào thành Phú Xuân.

Tháng 5 năm 1802 sau khi lên ngôi, vua Gia Long phong ông là *Khâm Sai Chương Tả Quân Dinh Bình Tây Tướng Quân*, lệnh cùng với Lê Chất mang quân tiên phong đánh ra Bắc thu phục Bắc Hà. Chỉ trong vòng một thời gian ngắn, vua Gia Long đã thu phục được Bắc Hà.

- **Đại thần nhà Nguyễn**

Tả quân Lê Văn Duyệt làm **Tổng trấn Gia Định Thành hai thời kỳ: từ 1813 đến 1816**. Năm 1813 ông lãnh chức Tổng trấn Gia Định Thành, kiêm trông coi luôn cả Bình Thuận và Hà Tiên. Đến năm 1816 ông được chỉ triệu về kinh để bàn nghị về ngôi Thái Tử. Lần thứ nhì từ năm 1820 cho đến khi mất.

Lê Văn Duyệt làm tổng trấn ở Gia Định Thành rất uy quyền, lòng người ai cũng kính phục, gọi ông là "ông Lớn Thượng". Đương thời các nước lân cận đều sợ oai phong của Lê Văn Duyệt, gọi ông là "Cọp Gấm Đồng Nai", **một trong ngũ hổ tướng từng là tổng trấn Gia Định Thành (bốn người còn lại là Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Nhơn, Kiên Xương Quận Công Nguyễn Huỳnh Đức và Long Vân Hầu Trương Tấn Bửu)**.

Lê Văn Duyệt đã thành lập hai cơ quan từ thiện là "Anh hài" để rèn luyện võ nghệ cho trẻ thích việc kiếm cung và "Giáo dưỡng" để cho những trẻ khác và quả phụ học văn chương và nghề nghiệp. Thành Phiên An (tức thành Gia Định) do Lê Văn Duyệt cho xây đắp thêm, đến năm 1830 thì xong. Thành được xây bằng đá ong, thành cao và rộng nên khi Lê Văn Khôi, con nuôi của Lê Văn Duyệt, khởi loạn chiếm thành, quân triều đình vây đánh 3 năm mới hạ được. Hằng năm ông tổ chức hai lễ lớn: lễ triều kiến vua và lễ duyệt binh. Mỗi năm vào dịp Tết Nguyên Đán vua Cao Miên phải sang chúc thọ vua Việt Nam tại thành Phiên An. Cứ ngày 30 Tết vua Miên phải có mặt tại thành để ngày hôm sau cùng Tả Quân trấn hành lễ chúc thọ tại Vọng Cung. Ngoài ra ngày mồng sáu tháng Giêng thì tổ chức lễ "xuất binh" để thị oai với các nước láng giềng và để nhân dân an tâm vì thời đấy người dân tin rằng đầu năm có diễn oai binh lực thì sẽ được bình an suốt năm vì tà ma quỷ mỵ đều sợ oai phong của Tả Tướng Quân.

Khi còn tại vị, Lê Văn Duyệt cũng là người tiến hành thăm vấn và tra khảo Nguyễn Văn Thành, Tổng trấn Bắc Thành. (xem thêm Nguyễn Văn Thành).

Ông qua đời tại thành Gia Định vào đêm 30 tháng 7 năm Nhâm Thìn (tức 28 tháng 8 năm 1832), thọ 69 tuổi.

Đời tư

Lê Văn Duyệt là người ái nam ái nữ bẩm sinh chứ không phải tự hoạn để làm thái giám^[3]. Thuở trẻ, ông thích đá gà, nuôi gà chọi. Ngoài ra, ông cũng là người sành thưởng thức hát bội và thường tự tay cầm chầu.

Sau này, do ông lập được nhiều công lao, khi lên ngôi, vua Gia Long đã gả một người cung nhân tên là Đỗ Thị Phần (hay Phần)^[4] về làm vợ ông, dù ông là người yếm hoạn.

Vụ án Lê Văn Duyệt: Minh Mạng làm án

Vua Minh Mạng và tả quân **Lê Văn Duyệt** vốn có nhiều hiềm khích và tư thù^[5]:

- Lê Văn Duyệt đã cho xử chém Huỳnh Công Lý, cha đẻ một quý phi được vua Minh Mạng sủng ái^[6]
- Lê Văn Duyệt không ủng hộ việc Minh Mạng lên ngôi mà ủng hộ con của Hoàng tử Cảnh khi vua Gia Long băng hà^[7]
- Ông tỏ ý ủng hộ các nhà truyền đạo Cơ đốc Châu Âu làm nghịch ý vua Minh Mạng^[8]
- Do từ tiền triều đã được hưởng quyền "nhập triều bất bái" (vào triều không phải lạy) nên sau này ông không chịu lạy vua Minh Mạng
- Lê Văn Duyệt nhiều lần vượt quyền, hoặc làm sai ý triều đình trung ương^[9] đặc biệt là sau khi vua Gia Long qua đời

Dù không ưa Lê Văn Duyệt nhưng vua Minh Mạng không dám^[10] làm gì Lê Văn Duyệt vì công lao và uy quyền quá lớn của ông với triều đình.

Từ khi con nuôi ông là Lê Văn Khôi nổi loạn chiếm thành Phiên An (tức thành Gia Định) vào năm 1833, vua Minh Mạng thường ban trách Lê Văn Duyệt, dù ông đã mất.

Năm 1835, sau khi triều đình dẹp xong cuộc nổi dậy Lê Văn Khôi, Phan Bá Đạt ở Đô Sát Viện dâng sớ kể tội Tả quân, xin truy đoạt quan chức, vợ con phải giải về Hình bộ xét tội. Minh Mạng dụ cho đình thần nghị xử. Vài hôm sau có nhóm nội các là Hà Quyền, Nguyễn Tri Phương và Hoàng Quýnh nghị tội Tả quân có sáu điều, được vua ưng chuẩn giao đình thần kết án. Án nghị Tả quân có bảy tội phải chém, hai tội phải thắt cổ, một tội phải sung quân.

Bản án nghị có đoạn:

"Sự biến Phiên An, hấn^[11] thực là đầu vạ nên chiếu theo luật mưu phản, khép vào tội lăng trì, song hấn đã chịu minh tru, vậy xin truy đoạt cáo sắc, phá bỏ quan quách giết thầy, để tỏ gương răn cho người khác. Còn như ông bà đời trước, ông nội bà nội, cha mẹ của hấn nếu được phong tặng cáo sắc, thì xin truy đoạt cả, mồ mã cha mẹ có tiếm dụng phong cáo trái phép nào thì đục bỏ bia đi".

Nghị án đưa lên, Minh Mạng ra dụ có đoạn rằng:

"Tội Lê Văn Duyệt nhỏ từng cái tóc mà kể cũng không hết, nói ra đau lòng, dù có bừa quan quách mà giết thầy cũng là đáng tội. Song nghĩ hấn chết đã lâu và đã truy đoạt quan tước, xương khô trong mồ, chẳng cần gia hình chi cho uổng công. Vậy cho tổng đốc Phiên An (Gia Định) đến chỗ mồ hấn cuốc bỏ nùm mộ san bằng mặt đất và khắc đá dựng bia ở trên viết to mấy chữ: "Đây chỗ tên lại cái lộng quyền Lê Văn Duyệt chịu phép nước"^[12].

Mộ Lê Văn Duyệt ở Gia Định bị cuốc bằng và bị xiềng xích. Các ngôi mộ cha mẹ ông bị đục bỏ tước hiệu khắc trên bia.

Được phục hồi danh dự

Đến năm Tân Sửu (1841) vua Thiệu Trị lên ngôi, biết vua cha làm tội oan Lê Văn Duyệt, nên xuống chiếu hủy bỏ bia kết tội cùng xiềng xích và cho xây đắp cả lại.

Năm đầu đời Tự Đức (1848), Đông Các đại học sĩ Võ Xuân Cẩn dâng sớ xin phục hồi quan tước, gia ơn cho con cháu các công thần, trong đó có Lê Văn Duyệt^[13]. Vua Tự Đức xem sớ cảm động mới truy phong lại cho cả ba ông và ban phẩm hàm cho con cháu họ. Lại cho đắp phần mộ Lê Văn Duyệt ở Gia Định cao rộng thêm và cho tu bổ lại đền thờ cạnh mộ tại vùng Bà Chiểu, nay gọi là Lăng Ông Bà Chiểu^[14]

Ngôi mộ của Tả Quân



Khu mộ Lê Văn Duyệt vừa được "tân trang" vào đầu năm 2009.

Đến năm 1841 vua Thiệu Trị xuống chiếu hủy bỏ bia kết tội và xiềng xích, cho xây đắp lại mộ mà ngày nay còn thấy ở Bà Chiểu, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến đời vua Tự Đức lại cho đắp mộ tại Gia Định cao rộng thêm và cho tu bổ lại đền thờ cạnh mộ, nay gọi là Lăng Ông Bà Chiểu. Năm 1848 Tả quân được truy phục *Vọng các công thần, chưởng Tả Quân Bình Tây Tướng quân Quận Công* và được đưa vào miếu Trung

Hưng Công Thần. Trong đền thờ ở giữa là bài vị *Khâm Sai Đại Thần, Quận Bình Tây Đại Tướng Quân*, bên trái có bài vị *Quận Công chi thần vị*.

Theo nhiều nhà nghiên cứu trước đây nhận định thì ngôi mộ thực của Tả Quân Lê Văn Duyệt nằm ở Tiền Giang: "Theo lời các cổ lão, ngôi mộ tại Gia Định Bình Hòa xã là ngôi mộ chôn bằng hình sấp, còn hài cốt thật thì về an táng tại làng Long Hưng, thuộc tỉnh Định Tường. (*Tiền Giang ngày nay*)". (Huỳnh Minh, *Gia Định xưa*, NXB Thanh Niên in lại năm 2001, trang 53.) Mới đây (tháng 4 năm 2006), sau một cuộc khảo sát ông Lý Việt Dũng đã đưa ra kết quả ngược lại.

Vinh danh

Trước năm 1975, ở Phan Thiết, đường Gia Long (nay là đường Nguyễn Huệ) chạy dài đến một vườn hoa rồi chia làm hai nhánh đường: bên trái là đường Lê Văn Duyệt (nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai), bên phải là đường Nguyễn Văn Thành (nay là đường Trần Quốc Toản) với ý tưởng hai vị *tả quân* và *hữu quân* của vua.

Vào ngày 4 tháng 2 năm 2008, bức tượng bằng đồng của Tả quân Lê Văn Duyệt đã được đặt trang trọng tại điện thờ ông tại Lăng Ông Bà Chiểu (số 1, Vũ Tùng, quận Bình Thạnh, TP.HCM). Tượng được đúc bằng đồng nguyên chất, cao 2,65m, nặng 3 tấn do nhà điêu khắc Phạm Văn Hạng thực hiện. Đây là ý tưởng của tạp chí *Xưa & nay* và *Hội Khoa học lịch sử VN* trong chương trình *Đúc tượng đồng cho lăng Ông*.

Chú thích

1. Thành là một đơn vị hành chính cao hơn cấp Trấn. Vì vậy được viết Gia Định Thành là đơn vị hành chính quản trị cả 5 trấn miền Nam để tránh nhầm lẫn với thành Gia Định (hay thành Quy, thành Bát Quái) là nơi đặt trị sở chung cả 5 trấn miền Nam bấy giờ.
2. Ghi theo Nguyễn Đình Đầu, *Địa chí văn hóa TP. HCM*, phần lịch sử (Nxb TP. HCM, tr.197) và Huỳnh Minh, *Gia Định xưa* (Nxb VHNT, 2006, tr.13). Riêng *Hỏi đáp lịch sử VN* do Trần Nam Tiến chủ biên (Nxb Trẻ, 2007, tr.326) và Nguyễn Quang Thắng & Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử VN* (Nxb KHXH, 1992, tr.387) đều cho rằng Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn lần đầu từ năm 1813 cho đến 1816.
3. Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại tập 8*. Nxb Giáo dục, 1998, tr.55
4. Theo tài liệu của Ban Quý Tế Lăng Ông thì vua Gia Long đứng ra gả cưới một cung nhân nết na, hiền hậu cho Lê Văn Duyệt. Vương Hồng Sển cho biết bà tên "**Đỗ Thị Phấn**". Tương truyền khi Lê Tả quân bị tội, bà về ngụ nơi xóm Chợ Rẫy, trong một ngôi chùa Phật, do bà mẹ năm xưa đứng tạo lập tục danh là Chùa Bà Dội".(*Sài Gòn năm xưa*, Nxb TP. HCM, 1991, tr. 86 và 160). Lý Việt Dũng ghi bà tên Phấn. Bà không bị giết vì Lê Văn Duyệt là người yêm hoạn, theo luật thời bấy giờ, bà không phải là vợ nên được miễn nghị. Còn tên chùa ông Dũng ghi là chùa Bà Dồi, ở gần bệnh viện Chợ Rẫy.(*Lê Văn Duyệt với vùng đất Nam Bộ*, tạp chí Xưa và Nay xuất bản, 2008, tr. 155)
5. Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam (7) (06/09/2007 04:56:00)
6. Dân không thờ sai ai bao giờ! bài viết về vở kịch của Tả quân Lê Văn Duyệt
7. McLeod, Mark W. (1991). *The Vietnamese response to French intervention, 1862–1874*, Praeger. ISBN 0-275-93652-0. tr 28
8. McLeod, Mark W. (1991). *The Vietnamese response to French intervention, 1862–1874*, Praeger. ISBN 0-275-93652-0. tr 28
9. McLeod, Mark W. (1991). *The Vietnamese response to French intervention, 1862–1874*, Praeger. ISBN 0-275-93652-0. tr 24
10. "*Theo Đại Nam liệt truyện chính biên thì khi làm tổng trấn Gia Định Thành, Lê Văn Duyệt uy quyền to lớn mà lòng người cũng kính phục nên vua Minh Mạng tuy trong lòng căm ghét nhưng cũng không dám làm gì.*" Mộ tả quân Lê Văn Duyệt hiện ở đâu?, báo Tuổi Trẻ, 21/05/2006
11. Tức Lê Văn Duyệt
12. Nguyên văn chữ Hán: 權奄黎文悅服法處 (*Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ*)
13. Hai người kia là Nguyễn Văn Thành và Lê Chất
14. Mộ tả quân Lê Văn Duyệt hiện ở đâu?

Tham khảo

- Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim, NXB Văn hóa Thông tin
- Gia Định xưa, Huỳnh Minh (1973), NXB Thanh Niên in lại năm 2001
- Việt sử: Xứ Đàng trong, Phan Khoang (1967), NXB Văn học in lại năm 2001
- Sài Gòn năm xưa, Vương Hồng Sển

NGUYỄN HUỲNH ĐỨC

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia



Bàn thờ Nguyễn Huỳnh Đức tại khu đền mộ ở Tân An.

Nguyễn Huỳnh Đức (1748-1819) là danh tướng nhà Nguyễn, nguyên tên là **Huỳnh Tường Đức**^[1] nhờ lập được nhiều công lao nên được ban quốc tính họ Nguyễn, từ đó, ông có họ kép là *Nguyễn Hoàng*.

Ngay từ lúc còn trẻ, ông đã có “dung mạo khôi ngô, khỏe mạnh hơn người, ai cũng coi ông là hổ tướng”^[2].

Thân thế và sự nghiệp

Nguyễn Huỳnh Đức, quê tại giồng Cái Én, xã Trường Khánh, tổng Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay thuộc ấp Dinh, xã Khánh Hậu, thị xã Tân An, tỉnh Long An)

Xuất thân trong một gia đình quan võ. Ông nội là Huỳnh Châu, cha là Huỳnh Lương đều theo phò chúa Nguyễn và đều được phong chức Cai đội.

Lúc đầu, năm 1781, ông gia nhập vào đội quân Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhơn, sau Thanh Nhơn bị Nguyễn Phúc Ánh giết chết nhưng Nguyễn Huỳnh Đức vẫn được tin dùng.

Năm Nhâm Dần (1782), ông được phong Tiền quân. Từ đó về sau, cuộc đời ông gắn chặt với Nguyễn Ánh, gian khổ cùng chia, đắng cay cùng chịu, nhất là khi Nguyễn Phúc Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi đến Định Tường và bị sa lầy. Thế rồi, chỉ mỗi một mình ông dám quay ngựa, xông thẳng về phía đối phương hô to những lời thách thức. Lúc ấy trời vừa chạng vạng tối, quân Tây Sơn sợ bị mai phục nên rút lui. Trong đêm đó, vì quá mệt, Nguyễn Phúc Ánh đã gói đầu lên đùi ông ngủ mê man. Tờ mờ sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, chúa Nguyễn thấy Huỳnh Đức vẫn còn đang lấy áo đắp muỗi cho mình. Cảm động, Nguyễn Phúc Ánh ban cho ông "quốc tính" và ông càng được chúa Nguyễn tin yêu, xem như người trong hoàng tộc.^[3]

Năm 1783, ông đánh nhau với quân Tây Sơn ở Đông Tuyên, nhưng bị thua, bị bắt cùng với 500 thuộc hạ. Nguyễn Huệ thấy Huỳnh Đức khỏe mạnh, nên thu dùng. Ông chịu theo Tây Sơn nhưng có lời giao kết là ông chỉ đánh quân Trịnh, chứ không đánh nhau với quân của chúa Nguyễn^[4].

Năm 1786, Nguyễn Huỳnh Đức theo Nguyễn Huệ ra Bắc đánh nhau với quân Trịnh, rồi về làm phó tướng cho Nguyễn Văn Duệ. Duệ trước là tướng tâm phúc của Nguyễn Nhạc nên không thích ở dưới quyền của Nguyễn Huệ.

Biết việc vừa kể, Nguyễn Huỳnh Đức nói với Nguyễn Văn Duệ rằng hãy theo đường tắt trong rừng mà lên về Qui Nhơn, hội quân với Nhạc. Duệ tin lời, lập tức dẫn hơn 5000 quân băng rừng rậm về Nam.

Trên đường, Nguyễn Huỳnh Đức lựa dịp trốn sang Vạn Tượng rồi qua Xiêm (Thái Lan). Nhưng khi ông đến nơi, Nguyễn Ánh đã về Gia Định. Vua Xiêm muốn giữ lại, nhưng ông cương quyết về với chúa Nguyễn.

Năm 1799, ông được thăng chức Chưởng quân Hữu quân dinh, ra đánh chiếm được Phan Rí, rồi Thị Nại (Bình Định). Năm sau, hạ được thành Qui Nhơn. Năm 1799, ông về cai quản xứ Định Tường. Sau khi Nguyễn Phúc Ánh chiếm thành Phú Xuân, giao ông trấn giữ thành Qui Nhơn.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua (Gia Long), Nguyễn Huỳnh Đức được phong Quận công. Năm 1810, ông được làm Tổng trấn Bắc thành kiêm Khâm sai Chưởng tiền quân. Năm 1816, ông trở về Nam làm Tổng trấn Gia Định cùng với Hiệp Tổng trấn Trịnh Hoài Đức, cai quản cả miền Nam.

Ngày 9 tháng 9 năm Kỷ Mão (1819), ông mất khi đang tại chức, thọ 71 tuổi, an táng tại nơi quê nhà và được thờ tại miếu Trung hưng công thần tại kinh đô Huế.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), ông được truy tặng là Kiến Xương Quận công. Ông có 4 người con trai đều là võ quan, trong số đó có 2 người là rể vua Gia Long (tức Nguyễn Ánh).

Di tích



Bia đá và ngôi mộ hình hộp của Nguyễn Huỳnh Đức.

Hiện nay, nơi quê quán của Nguyễn Huỳnh Đức ở Long An, có đền thờ^[5] và lăng mộ ông, được dòng tộc giữ gìn khá tốt.

Tại đây có bức họa truyền thần được vẽ từ năm 1802 (ảnh), bộ ván đọc mộc dài 3,4m - rộng 1,8m - dày 0,14m, vốn là vật dụng của ông. Bên trong đền còn có 3 bộ lổ bộ (đồ binh khí), lọng và 4 cặp liễn đối ca ngợi công trạng ông do vua Gia Long

ngự ban. Ở cuối chánh điện có khám thờ với bức đại tự do vua Tự Đức đề tặng vào năm 1854. Bên trong đền còn lưu giữ chiếc hộp sơn son đượm 8 bản chiếu, chỉ, chế, sắc của nhiều vua Nguyễn phong tặng.

Đặc biệt, nơi điện thờ còn lưu giữ đoạn kỷ do vua Xiêm ban tặng vào năm 1789, khi ông đi sứ qua đó; một khánh lệnh bằng đồng do vua Gia Long ban tặng vào năm 1819.

Cách không xa đền là khu lăng mộ Nguyễn Huỳnh Đức, với nhiều cây sứ cổ thụ vây quanh luôn nở hoa và tỏa hương thơm ngát ngào. Trước mộ có tấm bia đá cao 1,56m - rộng 0,95m được mang vào từ Huế. Mộ đắp nấm hình hộp: dài 3,4m - rộng 2,7m - cao 0,3m (ảnh). Sau ngôi mộ là bình phong lớn có viết bài Thọ Phần Minh. Tất cả, được che chắn bằng những bức tường đá ong kiên cố. Trong khuôn viên này có cả thảy 9 cặp liễn đối, một bài minh, một bức bình phong bằng đá ong cao 3m, có đắp nổi hoa văn hình cây đại thụ che mát cho đôi hươu...

Vào ngày 26 tháng 8 năm 1993, toàn thể du di tích vừa kể trên, được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là *Di tích lịch sử văn hóa*.

Chú thích

1. Đa phần các sách biên chép về ông đều ghi tên Huỳnh Tường Đức, chỉ riêng sách *Lăng Nguyễn Huỳnh Đức*, không thấy ghi tên người soạn, do NXB Trẻ ấn hành năm 2007, cho rằng ông tên *Huỳnh Công Đức*.
2. Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại tập 8*, NXB Giáo dục, 1998, tr.21
3. Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập, quyển 7 và sách *Lăng Nguyễn Huỳnh Đức* của NXB Trẻ, đã nêu trên.
4. Sách *Lăng Nguyễn Huỳnh Đức*, của NXB Trẻ, đã nêu trên
5. Ngôi chánh điện lợp ngói lưu ly xanh được gia tộc xây dựng năm 2000 theo bản vẽ của Kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng, nguyên Viện trưởng Viện khảo cổ Sài Gòn.

NGUYỄN VĂN NHƠN

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Nguyễn Văn Nhơn hay Nguyễn Văn Nhân, tục gọi là *Quan lớn Sen* (1753-1822), là một danh tướng thời nhà Nguyễn phục nghiệp.

Ông chính là **Tổng trấn đầu tiên**^[1] của **Gia Định Thành** và là một trong *Ngũ hổ tướng Gia Định*.

Thân thế & sự nghiệp

Nguyễn Văn Nhơn người huyện Vĩnh An^[2], tỉnh An Giang xưa.

Ông là con của Minh Đức Hầu Nguyễn Quang và bà Thị Áo.

Sinh nhằm thời loạn lạc, ông không được học hành nhiều^[3]. Năm Giáp Ngọ (1774), lúc 21 tuổi, ông theo Tống Phúc Hiệp và Nguyễn Khoa Thuyên, làm chức đội trưởng. Lại theo Tống Phúc Hòa, được thăng cai đội.

Năm Đinh Dậu 1777, chúa Nguyễn Nguyễn Phúc Ánh khởi binh ở Long Xuyên (Cà Mau), ông theo Dương Công Trừng đóng giữ ở Sa Đéc.

Năm Mậu Tuất 1778, được thăng cai cơ.

Năm Nhâm Dần 1782, bị quân Tây sơn bắt tại Thủ Thiêm (Sài Gòn), nhưng sau đó ông trốn thoát, sang Xiêm tìm chúa Nguyễn. Nhân lúc đó, chúa Nguyễn sai người về nước, ông liền trở lại hợp lực đánh chiếm đất Long Xuyên (Cà Mau).

Năm Ất Mão 1795, ông làm lưu thủ Trấn Biên (Biên Hòa).

Năm Đinh Tị 1797, về giữ Gia Định, lãnh việc vận lương kiêm việc bộ Hộ.

Năm Nhâm Tuất 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi (Gia Long), phong ông làm Chương Chấn võ quân, tước Nhơn Quận công; giữ chức lưu trấn Gia Định trấn đến năm 1805.^[4]

Cuối năm ấy nhà Nguyễn bình xong Bắc Hà, ông dâng sớ điều trần 14 khoản xin chấn chỉnh việc học hành và võ bị, được vua Gia Long khen ngợi và được tin cậy hơn...

Năm Mậu Thìn 1808, chấm dứt giai đoạn Gia Định trấn để trở thành Gia Định Thành, ông được cử làm Tổng trấn và Trịnh Hoài Đức làm hiệp Tổng trấn. Vậy, chính ông là vị *Tổng trấn đầu tiên ở miền Nam* kiêm lãnh hai trấn là Bình Thuận và Hà Tiên cho đến 1812 thì bàn giao cho Lê Văn Duyệt.

Năm 1819-1820, Nguyễn Văn Nhơn được cử làm Tổng trấn Gia Định Thành một lần nữa.

Năm Tân Tị 1821, thời vua Minh Mạng, ông được điều về kinh đô Huế, sung chức Tổng tài ở Quốc sử quán.

Mùa xuân năm Nhâm Ngọ 1822, ông mất, thọ 69 tuổi.

Hay tin, vua Minh Mạng cho bãi chầu ba ngày, đích thân ban rượu tế, trước khi đưa linh cữu về Gia Định. Nhà vua lại ban cho câu đối:

*Vọng Các hiệu từng long, trực bá đan tâm huyền nhật nguyệt;
Xuân thành bi khứ hạc, do lưu chính khí tác sơn hà.*

Nghĩa:

*Theo vua nơi Vọng Các, lòng son treo rặng cùng trời đất;
Bỏ mình Phú Xuân, khí chính còn lưu với núi sông.*

Lại cấp cho trăm mẫu ruộng ở xã Thanh thủy (Phú Vinh, Huế), cho con cháu làm tự điền, Được truy tặng là Dực vận đồng đức công thần, Đặc tiến trụ quốc thượng tướng quân, Thái bảo Quận công.

Năm Giáp Thân 1824, được cho thờ vào Thế Miếu và Miếu trung Hưng công thần.

Năm Tân Mão 1831, lại được truy tặng làm Tráng võ tướng quân, Đô thống phủ Chưởng phủ sự, tước Kinh Môn quận công, thụy là Mục Hiến.

Mộ ông ở ấp Khánh Thuận, làng Tân Khánh, tổng An Thạnh Hạ, cách Sa Đéc hơn 8 km. Trên tấm bình phong phía sau có khắc bài thơ của vua Thiệu Trị ngự chế trong năm 1846.

Chú thích

1. Theo Huỳnh Minh (*Vĩnh Long xưa*, Nxb Thanh Niên, 2002, tr. 72), GS Trịnh Văn Thanh (*Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển*, Nxb Hồn thiêng, 1066, tr.876) và *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh (Lịch sử)*, Nxb TP.HCM, 1987, tr. 197.
2. Huỳnh Minh (sách đã dẫn) ghi Vĩnh Yên là không chính xác, vì “Năm Minh Mạng thứ 13 (1832) lấy đất này (Tầm Phong Long) cùng với huyện Vĩnh An tỉnh Vĩnh Long đặt làm phủ Tuy Biên và Tân Thành; đặt bốn huyện là: Tây Xuyên, Phong Phú, Đông Xuyên và Vĩnh An lập tỉnh An Giang và Hà Tiên, lại đặt hai ty Bố chánh, Án sát” (*Đại Nam nhất thống chí*). Qua đó, ta thấy không có huyện Vĩnh yên mà chỉ có huyện Vĩnh An.
3. Sau, khi làm lưu thủ Trấn Biên (Biên Hòa), lúc đã ngoài bốn mươi tuổi, ông mới có thể tự trau dồi thêm chữ nghĩa cho mình.
4. Ghi theo *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh (Lịch sử)*, tr. 197. Trang web Ca dao cho biết: Sau khi Gia Long lên ngôi, sai Nguyễn Văn Trương đem thủy binh cùng Lê Chất ra đánh lấy Bắc Hà vào năm 1804. Vừa xong Nguyễn Văn Trương được cử vào Nam giữ chức Lưu Trấn Gia Định thay thế Lưu Trấn Nguyễn Văn Nhơn được lệnh gọi về kinh ([1]). Từ năm 1805 đến năm 1808 do Nguyễn Văn Trương làm lưu trấn và Trịnh Hoài Đức làm hiệp lưu trấn.

Tài liệu

(Dùng để tham khảo & đối chiếu)

- Huỳnh Minh, *Gia Định xưa*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2006, tr. 127-128.
- Huỳnh Minh, *Vĩnh Long xưa*, Nxb Thanh Niên, 2002, tr.72.
- GS Trịnh Văn Thanh, *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển*, Nxb Hồn thiêng, 1066, tr.876.
- *Địa chí An Giang* tập I, UBND tỉnh An Giang, 2003.
- *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh (Lịch sử)*, Nxb TP.HCM, 1987, tr. 197.

NGUYỄN VĂN TRƯƠNG

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Nguyễn Văn Trương (1740-1810) là võ tướng có tài thủy chiến, công thần thời sơ Nguyễn và là **một trong Ngũ hổ tướng Gia Định**.

Thân thế & sự nghiệp

Nguyễn Văn Trương người huyện Lễ Dương (nay là huyện Thăng Bình), tỉnh Quảng Nam. Không rõ năm nào ông đã vào sống ở đất Gia Định, chỉ biết khoảng năm Bình Thân (1776), khi Nguyễn Lữ đem quân vào Nam, lấy được thành Sài Côn, đuổi chúa Nguyễn (Nguyễn Phúc Ánh) chạy đến Trấn Biên (Biên Hòa), thì Nguyễn Văn Trương xin theo phò tá Nguyễn Lữ, được cho giữ chức Chưởng cơ coi binh thuyền.

Năm Đinh Mùi (1787), được tin rằng Gia Định có thể lấy lại được, chúa Nguyễn bèn biên thư từ tạ vua Xiêm La, rồi nửa đêm đem gia quyến xuống thuyền về nước. Lúc bấy giờ nhà Tây Sơn lại lục đục, bất hòa, nên Nguyễn Văn Trương đem 300 quân, 15 chiến thuyền binh chạy vào Long Xuyên giúp chúa Nguyễn, được phong chức Chưởng cơ. Sau, nhờ lập thêm nhiều chiến công, được phong làm Khâm sai chưởng đạo tiền phong, Trung quân thủy dinh.

Tháng 8 năm Mậu Thân (7 tháng 9 năm 1788), Nguyễn Phúc Ánh chiếm được Sài Gòn, nhưng mãi đến năm sau (Kỷ Dậu, 1789), nhờ Nguyễn Văn Trương cùng Lê Văn Quân, Tôn Thất Hội, Võ Tánh, hợp binh đánh ở Hồ Châu; quân Tây Sơn do Phạm Văn Tham không phá được vây, phải lui về Ba Thắc rồi xin hàng, toàn cõi đất Gia Định mới thuộc hẳn về chúa Nguyễn.

Tháng ba năm Nhâm Tí (1792), nhân khi mùa gió Nam thổi mạnh, chúa Nguyễn sai Nguyễn Văn Trương cùng Tiên quân Nguyễn Văn Thành, Dayot và Vannier (tên Việt: Nguyễn Văn Chấn) đem chiến thuyền từ cửa Cần Giờ (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh) ra đốt phá thủy trại của Tây Sơn ở cửa Thị Nại (Qui Nhơn), rồi quay về an toàn.

Tháng ba năm sau (Quý Sửu, 1793), chúa Nguyễn để con là Nguyễn Phúc Cảnh ở lại giữ đất Gia Định, sai Tôn Thất Hội cùng Nguyễn Huỳnh Đức và Nguyễn Văn Thành đem bộ binh đánh Phan Rí (nay thuộc Bình Thuận). Còn chúa Nguyễn cùng Nguyễn Văn Trương, Võ Tánh đem thủy quân đi đánh mặt bể. Đến tháng 5 thì đoàn chiến thuyền của quân Nguyễn vào cửa bể Nha Trang, rồi đánh lên Diên Khánh, phủ Bình Khang, sau lại đánh lấy phủ Phú Yên.

Toàn thắng, Nguyễn Văn Trương cùng chúa Nguyễn cho thủy quân hội với bộ binh của tướng Tôn Thất Hội vào cửa Thị Nại, tiến đánh thành Qui Nhơn. Bấy giờ Nguyễn Huệ đã mất rồi, vua Cảnh Thịnh tức Nguyễn Quang Toản sai thái úy là Phạm Công Hưng, hộ giá là Nguyễn Văn Huân, tư lệ là Lê Trung, đại tư mã là Ngô Văn Sở đem 17.000 bộ binh, 80 con voi đi đường bộ và sai đại thống lĩnh là Đặng Văn Chân đem hơn 30 chiến thuyền đi đường bể vào cứu Qui Nhơn. Chúa Nguyễn thấy viện binh đã đến, liệu thế chống không nổi, rút về Diên Khánh...

Năm Tân Dậu (1801), ngày 15 tháng giêng, chúa Nguyễn sai Nguyễn Văn Trương, Tổng Phước Lương đem quân tiền đạo tấn công vào đồn thủy của quân Tây Sơn, và sai Lê Văn Duyệt, Võ Di Nguy đem thủy quân vào đánh cửa Thị Nại. Võ Di Nguy trúng đạn chết, còn Lê Văn Duyệt ra sức xung đột, đốt được cả tàu và thuyền của quân Tây Sơn. Đây là trận thủy chiến dữ dội nhất, đáng được gọi là "võ công đệ nhất" trong thời trung hưng của nhà Nguyễn.

Đánh xong trận trên từ ngày 13 tháng 4 đến 12 tháng 5, Nguyễn Văn Trương tiến quân đến cửa Đại cổ lũy ở Quảng Ngãi, phá đoàn quân lương của Tây Sơn ở Trà Khúc. Thừa thắng, Nguyễn Văn Trương cho quân tiến thẳng ra cửa Đại Ấp ở Quảng Nam, đánh phá lũy Bến Ván, đoạt được hai mươi bảy thớt voi chiến. Tiếp đó, tiến quân ra đánh chiếm cửa Đại Chiêm, giao chiến ở Hội An, Phú Triêm. Đại đô đốc Tây Sơn là Nguyễn Văn Xuân và thiếu úy Văn Tiến Thê phải thua chạy, quân Nguyễn đoạt được hơn hai mươi tám cỗ súng... Nguyễn Văn Trương báo tin thắng lớn, chúa Nguyễn gửi thêm 1.000 binh sĩ, 30 chiến thuyền để tăng cường những vị trí vừa chiếm đóng.

Ngày 7 tháng 6 năm (1801). Nguyễn Văn Trương hợp binh với chúa Nguyễn tại cửa Hàn (Đà Nẵng). Ngày 9, khoảng 4 giờ quân Nguyễn cả lục quân và thủy quân tiến ra Phú Xuân (Huế). Ngày 11, đoàn tàu chiến do Nguyễn Văn Trương chỉ huy đã vào đến cửa Sông Hương và đánh vào cửa hữu phía Tây kinh thành. Kể từ đó, nhiều trận kịch chiến đã nổ ra, máu lửa tràn lan... Đến 8 giờ sáng mùng 3 tháng 5 năm Tân Dậu (15 tháng 6 năm 1801), thành Phú Xuân mất vào tay chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn liền cho Nguyễn Văn Trương và Lê Chất mang quân đuổi theo vua Cảnh Thịnh. Đuổi không kịp, Nguyễn Văn Trương được lệnh đem thủy binh ra chặn ở Linh Giang, để chặn quân Tây Sơn chạy ra Bắc.

Tháng giêng năm Nhâm Tuất (1802), vua Tây Sơn sai Nguyễn Quang Thùy tiến lên vây đánh lũy Trấn Ninh. Thế trận chưa nghiêng ngã về bên nào thì có tin thủy quân của Tây Sơn đã bị Nguyễn Văn Trương phá tan ở cửa Nhật Lệ (Quảng Bình), khiến quan quân nhà Tây Sơn hốt hoảng, cầm cự được một lúc thì phải tháo chạy. Chúa Nguyễn để trung quân Nguyễn Văn Trương giữ Đòng Hới. Tháng 5 năm đó, sau khi chúa Nguyễn lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long, liền ngự giá đi đánh Bắc Hà. Nhà vua sai Nguyễn Văn Trương thống lĩnh thủy binh, Lê Văn Duyệt và Lê Chất thống lĩnh bộ binh, hai mặt thủy bộ cùng tiến. Kết cục, nhà Tây Sơn bị tiêu diệt.

Năm Ất Sửu (1805), vua Gia Long cử ông vào cai trị miền Nam với chức vụ Lưu trấn thành Gia Định, thay cho Nguyễn Văn Nhơn. Năm 1808, ông được triệu về kinh đảm nhận chức vụ khác.

Năm Canh Ngọ (1810) ông mất tại chức, thọ 70 tuổi, được truy tặng là Thái bảo, thờ ở miếu Trung hưng công thần. Đời Minh Mạng, ông lại được truy phong là Đoàn Hùng Quận công.

Con ông là Nguyễn Văn Vân, cũng là một viên tướng có tài, làm quan võ đến chức Tiền quân đô thống chế.

Tài liệu tham khảo

- Huỳnh Minh, *Gia Định xưa*, Nxb VHNT, 2006, tr 124-125.
- Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb KHXH, 1992, tr. 710.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược quyển 2*, Trung tâm học liệu, Sài Gòn, 1971.
- Ngô Giáp Đậu, *Hoàng Việt hưng long chí*, Nxb Văn học, 1993.
- Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên quyển 4*, Sài Gòn, 1961.

Liên kết ngoài

- Đất Gia Định với dấu ấn các quan Tổng Trấn
- Việt Nam sử lược (chương liên quan).
- Chi tiết trận thủy chiến nơi cửa Thị Nại năm 1801.

TRƯƠNG TẤN BỬU (tướng)

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Trương Tấn Bửu (1752 - 1827), có tên khác là **Trương Tấn Long**. Là một danh tướng thời nhà Nguyễn phục nghiệp, ông được vua Nguyễn phong tước *Long Vân Hầu* và được người đương thời liệt vào *Ngũ hổ tướng Gia Định*.

Thân thế & sự nghiệp

Trương Tấn Bửu, người làng Hưng Lễ, tổng Bảo Phước, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre). là con thứ ba (gọi theo người miền Nam là con thứ tư) của ông Trương Tấn Khương và bà Trần Thị Nghĩa.

Thời trai trẻ, Trương Tấn Bửu đã nổi tiếng là người tuấn tú, có sức mạnh vô song, dám đương đầu với cọp.

Năm Đinh Mùi 1787, lúc chúa Nguyễn (Nguyễn Phúc Ánh) chạy trốn quân Tây Sơn, có ghé nhà cha ông tạm trú một đêm. Gặp dịp, ông xin theo phò tá^[1]. Nhưng vừa ra khỏi nhà, ông gặp ngay trận chiến ác liệt. Nhờ sự thông minh và lòng dũng cảm, ông cứu thoát được chúa Nguyễn.

Sau đó, ông được làm cai cơ, thuộc đạo quân của Tôn Thất Hội.

Tháng 6 năm Canh Tuất (1790), thăng chức Hậu quân Hậu chi Chánh chưởng chi, rồi đổi qua Chưởng quân Tiền quân.

Tháng 2 năm Đinh Vị (1797), thăng Tiền quân Phó tướng, lập được nhiều chiến công ở Bình Định, Hội An.

Năm Nhâm Tuất 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi (Gia Long), phong ông làm Chưởng dinh, quản lĩnh đạo quân Bắc Thành.

Năm 1806, có công dẹp bọn cướp biển Tàu Ô, ông được thăng làm Trung quân kiêm Tả quân Phó tướng, quyền lãnh chức Tổng trấn Bắc Thành, thay Nguyễn Văn Thành.^[2]

Năm Canh Ngọ 1810, ông lại được bổ vào Gia Định, quyền lãnh chức Tổng trấn, đến năm 1812, thực thụ Phó Tổng trấn Gia Định.

Năm 1816, ông đốc suất đắp thành Châu Đốc rồi được điều về Huế làm Trung quân phó tướng. Năm Nhâm Thân 1821, lại được cử làm Phó Tổng trấn Gia Định Thành lần thứ hai.

Năm Nhâm Ngọ 1822, ông thăng Chánh nhất phẩm, thân phụ ông cũng được vua Minh Mạng ban sắc truy phong là Nghiêm oai tướng quân, Trung quân Thống chế và mẹ ông cũng được truy phong vào hàng mệnh phụ phu nhân.

Năm Quý Mùi 1823^[3], theo lệnh của Lê Văn Duyệt, ông chỉ huy khoảng 35.000 quân và dân lo nạo vét kênh Vĩnh Tế cùng với Thoại Ngọc Hầu, rồi chẳng bao lâu sau ông bệnh, xin về hưu vào ngày 17 tháng 11 năm Ất Dậu (1825).

Tuy hưu trí, nhưng ông được vua Minh Mạng cho hưởng lương bổng đầy đủ. Ngày 2 tháng 8 năm 1827 (10 tháng 6 âm lịch năm Đinh Hợi) ông mất, thọ 75 tuổi. Vua nhà Nguyễn đã lệnh cho Lê Văn Duyệt đứng làm chủ lễ, cấp đất chôn và xuất hai ngàn quan tiền, năm cây gấm tốt để giúp vào việc tống táng.

Đến đời Tự Đức năm thứ 5 (1852), ông được thờ vào miếu Trung hưng công thần và đền Hiền lương. Hiện nay tại Phú Nhuận (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh) còn miếu và mộ ông.

Chú thích

1. Theo Huỳnh Minh, *Kiến Hòa xưa*, Nxb Thanh Niên, 2001, tr. 118 và Diên Hương, *Thành ngữ điển tích từ điển*, Nxb Đồng Tháp, 1992, tr. 410.
2. Ghi theo *Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam [1]* và Gia Định xưa. Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam ghi thay Lê Chất là không đúng, vì mãi đến năm 1810, ông Chất mới làm Hiệp tổng trấn Bắc Thành, cùng với Nguyễn Huỳnh Đức, Phạm Như Đăng và đến năm 1818, ông mới lên làm Tổng trấn Bắc Thành.
3. *Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam* ghi: Năm 1823, thay Lê Văn Duyệt làm tổng trấn Gia Định Thành, là không đúng.[2]. Vì năm ấy, chức Tổng trấn Gia Định Thành vẫn do ông Duyệt nắm giữ. (Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định 2 lần: từ 1813 đến 1816 dưới triều vua Gia Long và từ 1820 đến 1832 dưới triều vua Minh Mạng). Sách *Địa chí văn hóa TP. HCM* phần *Lịch sử* cũng đã ghi rõ: Trương Tấn Bửu làm "Phó Tổng trấn" từ năm 1812 đến 1815 (Nxb Tp. HCM, 1987, tr. 197).

Tài liệu

(Dùng để tham khảo & đối chiếu)

- Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb KHXH, 1992, tr. 929-930
- Huỳnh Minh, *Kiến Hòa xưa*, Nxb Thanh Niên, 2001, tr. 118.
- Diên Hương, *Thành ngữ điển tích từ điển*, Nxb Đồng Tháp, tr.410.
- Huỳnh Minh, *Gia Định xưa*, Nxb VHTT, 29006, tr. 137-140.